

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phú Lộc và ông Đoàn Văn Hiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024; Về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Hiền S, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 30, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 30, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Hiền S trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà D chung sống với nhau vào năm 1995, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh T), huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 926/2002, ngày 27/08/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra cự cãi với nhau về tiền bạc, bà D không hoà hợp với gia đình chồng, cư xử hờ hời với mẹ chồng, không phụ tiếp mẹ

chồng, mọi việc trong gia đình đều do mẹ chồng chăm lo hết, ông có khuyên nhiều lần nhưng bà D không sửa đổi nên hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2005 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, do bà D có tình cảm với người đàn ông khác và có dẫn về nhà giới thiệu với gia đình. Bà D kêu ông nộp đơn ly hôn và bà D đồng ý ký tên, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện tại ông đã có gia đình khác nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ với nhau.

Nay ông cương quyết vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà D, do ông không còn tình cảm với bà D, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

- Về con chung: Ông và bà D có 02 (hai) con chung là Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 12/3/1997 và Đặng Thanh T1, sinh ngày 28/02/1999, hiện nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn trình bày ngày 25/01/2024 và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông S về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như ông S trình bày. Quá trình sống chung do mẹ chồng quá khó khăn bà làm gì cũng không vừa ý nên mẹ con đôi khi không thuận hoà, nhưng bà vẫn làm đúng nghĩa vụ dâu con và chăm sóc các con. Bà và ông S chung sống đến năm 2005 thì ông S đi làm ăn nhưng không lâu thì ông S quay về chuyển nhượng hết đất cho người khác, không trở về chung sống với bà mà tổ chức lễ cưới và chung sống với người phụ nữ khác và có con riêng, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông S vẫn không sửa đổi, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2005 cho đến nay, bà vẫn ở vậy để chăm lo cho các con. Thời gian ly thân, bà thừa nhận có đưa người đàn ông khác về nhà chồng nhưng để phụ giúp công việc cho con, bà không có tình cảm gì với ai hết.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông S, bà không đồng ý ly hôn, do bà vẫn còn thương ông S, bà không muốn các con thiếu vắng tình cảm của cha nên bà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S, cho ông S được ly hôn với bà D. Về con chung: Ông S và bà

D có 02 (hai) con chung là Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 12/3/1997 và Đặng Thanh T1, sinh ngày 28/02/1999, hiện nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông S, bà D không yêu cầu nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đặng Hiền S khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Phạm Thị D nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn*". Bà D có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông S và bà D kết hôn vào năm 1995, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế ông S và bà D đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và hiện nay không còn chung sống với nhau. Ông bà đã ly thân từ tháng 3/2005 cho đến nay (khoảng 19 năm) nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông S cương quyết yêu cầu ly hôn do ông không còn tình cảm với bà D, mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân. Về phía bà D không đồng ý ly hôn do bà còn tình cảm với ông S, bà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải nhưng bà D đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Điều này thể hiện bà D không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông S. Tòa án có tiến hành xác minh mâu thuẫn giữa ông S và bà D nhưng địa phương không biết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, cho ông S được ly hôn với bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Ông S và bà D có 02 (hai) con chung là Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 12/3/1997 và Đặng Thanh T1, sinh ngày 28/02/1999, hiện nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết,

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông S, bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Ông S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hiền S.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đặng Hiền S được ly hôn với bà Phạm Thị Diễm .

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 12/3/1997 và Đặng Thanh T1, sinh ngày 28/02/1999, hiện nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đặng Hiền S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005216 ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên ông S không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Hiền S, bà Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2024).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các*

*Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND thị trấn Vĩnh Thanh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Cẩm Xuyên**